
CULTURAL IMPRINTS OF MUONG AND THAI ETHNIC MINORITIES IN LAM KINH CULTURAL AND HISTORICAL SPACE

Luu Thi Ngoc Diep

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism
Email: luuthingocdiep@dvttdt.edu.vn

Received: 10/01/2022

Reviewed: 11/01/2022

Revised: 14/01/2022

Accepted: 18/01/2022

Released: 25/01/2022

Lam Kinh is both a cultural and historical space and the home to the Kinh, Muong and Thai ethnic groups who are living in the semi - mountain and midland areas of the western mountainous region of Thanh Hoa province. The article focuses on learning about this cultural - historical space to clarify the intertwined nuances and mixtures between ethnic culture and deep historical nature associated with Lam Son uprising of national hero Le Loi. At the same time, the research results also supplement and identify more geographical and historical imprints of the land based on typical cultural elements such as language, place name and cultural heritage system.

Key words: Cultural imprints; Muong and Thai ethnic groups; cultural and historical space, Lam Kinh.

1. Giới thiệu

Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh lấy diện Lam Kinh (xã Xuân Lam, Thọ Xuân) làm trung tâm nhưng phạm vi lan tỏa trên địa bàn nhiều xã lân cận huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thường Xuân (Thanh Hóa). Đây là một không gian văn hóa tích tụ đậm đặc các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nổi bật. Từ lâu, vùng đất Lam Sơn nói chung, không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh nói riêng đã được biết đến là đất căn bản của nhà Lê, căn cứ địa buổi đầu khởi nghĩa Lam Sơn, là một chủ lưu trong dòng chảy lịch sử - văn hóa đậm đà bản sắc xứ Thanh. Từ các nghiên cứu cụ thể, có thể khái quát nên một trong những đặc trưng cơ bản của không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh, đây là: vùng đất trung du bán sơn địa, có lịch sử hình thành lâu đời, nơi sinh tồn của nhiều thế hệ cư dân Kinh - Mường - Thái cộng cư. Trải qua những biến cố thăng trầm của lịch sử, dấu ấn văn hóa Mường, Thái vẫn đọng lại tương đối rõ nét trong các lớp trầm tích văn hóa của không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về nhà Hậu Lê, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, không gian văn hóa Lam Sơn Lam Kinh nhưng chủ yếu là các công trình quảng bá, giới thiệu và bảo tồn di tích phục vụ công tác khảo cổ, nghiên cứu tìm hiểu văn hóa. Các công trình nếu nghiên

cứu về Lam Kinh cũng mới chỉ dừng lại nghiên cứu lịch sử, giá trị văn hóa (khởi nghĩa Lam Sơn, sự to lớn của quy mô kiến trúc công trình Lam Kinh); sự tích, huyền thoại dân gian về Lê Lợi, khởi nghĩa Lam Sơn..., chưa có công trình nghiên cứu tổng thể không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh.

Những công trình nghiên cứu về không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh, dấu ấn và vai trò của các dân tộc thiểu số Mường, Thái trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh còn rất ít, lẻ tẻ và rời rạc, chủ yếu thể hiện trong một số công trình nghiên cứu sau:

Trong cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi lại quê mẹ của Lê Lợi ở làng Thủy Chú trước kia vốn là một làng dân tộc Mường [2]. Điều đó cho chúng ta có căn cứ để xác định nguồn gốc một nửa dòng máu người Mường của Bình Định Vương Lê Lợi - người khởi xướng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Công trình nghiên cứu đề cập tới một số mặt ảnh hưởng của cư dân Mường, trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh là cuốn *Địa chí huyện Thọ Xuân*. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chưa mang tính hệ thống, không phác họa được bức tranh tổng thể về cuộc sống, dấu ấn và sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc Mường, Thái, Kinh cộng cư trên một địa bàn sinh tồn ở khu vực Lam Kinh.

Tác giả Trần Lâm Biền trong công trình nghiên cứu *Con đường tiếp cận lịch sử* có đề cập tới tín ngưỡng dân gian của tộc người thiểu số (chủ yếu là Mường) trong công trình kiến trúc Lam Kinh [3].

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Tác giả tiếp cận vấn đề dưới góc độ nghiên cứu sự giao thoa văn hóa tộc người trong một không gian lịch sử - văn hóa.

Để nghiên cứu vấn đề, tác giả chủ yếu sử dụng các phương pháp chuyên ngành như điền dã dân tộc học, tra cứu, phân tích, tổng hợp thư tịch, tài liệu lịch sử, văn hóa, kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành của khu vực học ...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh

4.1.1. Xác định khái niệm không gian văn hóa, không gian lịch sử - văn hóa

Khi ngành khu vực học trên thế giới có những thành tựu nhất định thì lý thuyết về không gian văn hóa, không gian lịch sử - văn hóa, vùng văn hóa bắt đầu được quan tâm nghiên cứu. Lý thuyết vùng văn hóa được các nhà khoa học quan tâm đến các giá trị độc đáo về văn hóa ở mỗi vùng đất, mỗi cộng đồng người gắn với môi trường sống khác nhau. Ở Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa có các công trình nghiên cứu mang tính thực nghiệm “Lý thuyết vùng văn hóa” áp dụng vào Việt Nam. Về cơ bản, các nhà khoa học đều có thống nhất chung đó là: “vùng văn hóa” với đặc trưng phản ánh của một “trường văn hóa” và biểu hiện như một “không gian văn hóa” với những giá trị đồng dạng.

Theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh: “Không gian văn hóa như là một không gian địa lý xác định, mà ở đó một hiện tượng hay một tổ hợp hiện tượng văn hóa nảy sinh, tồn tại, biến đổi và chúng liên kết với nhau như một hệ thống” [9, tr. 2].

Khái niệm “Không gian văn hóa” còn được áp dụng ở phạm vi hẹp, chỉ những vùng, miền có những đặc điểm địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội có chung những tương đồng nhất định về địa lý, văn hóa, lịch sử và kinh tế. Vấn đề “trường văn hóa” là một đặc trưng phản ánh sự liên kết, lan tỏa của “Không gian văn hóa” được đánh giá theo các “cấp độ” để xác định “vùng văn hóa” và “vùng ảnh hưởng” mà một số tác giả còn quen gọi là “vùng lõi” và “vùng biên”...

Theo tác giả Vũ Minh Giang: không gian văn hóa là một đối tượng nghiên cứu của Khu vực học: “ngành khoa học lấy không gian văn hóa - xã hội bao gồm các lĩnh vực hoạt động của con người và quan hệ tương tác giữa con người và điều kiện tự nhiên làm đối tượng nghiên cứu. Mục đích của nghiên cứu khu vực học là đạt tới nhận thức tổng hợp về một không gian, tìm ra những đặc điểm tự nhiên và của con người trong không gian đó” [5; tr. 52].

Trên cơ sở lý thuyết về “Không gian văn hóa”, chúng ta có thể xác định: Không gian lịch sử - văn hóa là không gian văn hóa trong đó có những dấu ấn lịch sử sâu đậm.

4.1.2. Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh

Áp dụng lý thuyết của phương pháp nghiên cứu liên ngành và phương pháp khu vực học, chúng ta xác định không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh lấy điện Lam Kinh (xã Xuân Lam, Thọ Xuân) làm trung tâm nhưng phạm vi lan tỏa trên địa bàn nhiều xã lân cận huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc (Thanh Hóa).

Nhiều nhà nghiên cứu khi nghiên cứu ở cấp độ rộng lớn hơn của khu vực học đã chia thành 2 lớp, gồm lớp văn hóa Lam Sơn và lớp văn hóa Lam Kinh. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi xác định nghiên cứu những yếu tố hiện hữu của văn hóa các dân tộc Mường, Thái trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh. Đây là một không gian tích tụ đậm đặc các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể nổi bật, trong đó các giá trị văn hóa của đồng bào 2 dân tộc thiểu số Thái, Mường có những dấu ấn khá rõ nét.

Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh hình thành chủ yếu trên vùng đất cổ Lam Sơn - vùng đất xuất hiện từ thời Hùng Vương dựng nước. Theo TS. Phạm Văn Tuấn, Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa nhận định: “hương Lam Sơn đầu thế kỷ XV là một đơn vị hành chính rộng lớn, có thể thống hạt cả các xã, thôn, phường, sách mà ngày nay tương đương với địa bàn các xã Thọ Minh, Thọ Lập, Xuân Thiên, Xuân Lam, một phần thị trấn Lam Sơn (huyện Thọ Xuân); xã Kiên Thọ, Vân Am, Nguyệt Ấn, Phúc Thịnh (huyện Ngọc Lặc); xã Ngọc Phụng và thị trấn Thường Xuân (huyện Thường Xuân)” [11; tr. 15]. Như vậy, hương Lam Sơn là một vùng rộng, “bao” cả một phần thượng du Thanh Hóa, xung quanh sông Chu, sông Âm mà làng Cham - quê hương Lê Lợi - là khu trung tâm.

Sự hình thành của không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh mang dấu ấn đậm nét của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, song tên gọi Lam Kinh chỉ bắt đầu có sau khi khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi hoàn toàn, Bình Định Vương Lê Lợi lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Thuận Thiên năm thứ nhất (1428), đặt quốc đô tại Thăng Long là Đông Đô (sau đổi thành Đông Kinh), đồng thời chủ trương xây dựng quê hương Lam Sơn thành khu kinh thành thứ hai gọi là Lam Kinh. Lam Kinh còn có tên gọi khác là Tây Kinh hay Tây Đô - khu điện miếu và lăng mộ của nhà Hậu Lê vừa là đất quý hương của bản triều, vừa là nơi khởi phát của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nổi tiếng trong lịch sử chống xâm lược của dân tộc Việt Nam hồi thế kỷ XV.

Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh lấy điện Lam Kinh (xã Xuân Lam, Thọ Xuân) làm trung tâm nhưng phạm vi lan tỏa trên địa bàn một số xã lân cận của các huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Lang Chánh (Thanh Hóa), về phía Tây Bắc thành phố Thanh Hóa. Đây là vùng đồng bằng nối liền với trung du, miền núi. Địa hình nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Là vùng đồng bằng châu thổ sông Chu - sông Mã tiếp giáp vùng trung du miền núi. Đây là nơi sinh tồn của nhiều thế hệ cư dân Kinh - Mường, gắn bó với những biến động của đất nước, đặc biệt giai đoạn cuối nhà Hồ, giai đoạn tồn tại và phát triển của vương triều Lê.

4.2. Dấu ấn văn hóa của các dân tộc Thái, Mường trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh

4.2.1. Dấu ấn văn hóa của các dân tộc Thái, Mường trong phương ngữ - thổ âm - truyền thuyết

Thọ Xuân - khu vực trung tâm của không gian văn hóa Lam Kinh là vùng bán sơn địa, có hai dân tộc thiểu số Mường, Thái cộng cư lâu đời với người Kinh. Đa số người Mường đã hoà nhập với người Kinh, không ít cộng đồng người Mường tự cho mình là người Kinh nhưng trong ngôn ngữ sử dụng hàng ngày vẫn tồn tại một số tiếng Mường mà không hay biết. Ví dụ: kha cắn tróc (gà gáy đầu); tróc cún tau (đầu gối đầu); tu vèn tún (trâu về tối)... Theo những nghiên cứu ngôn ngữ học các dân tộc thiểu số thì đó “cũng là tiếng Việt cổ được chuyển hóa thành tiếng Kinh theo quy luật biến âm tương đối chặt chẽ” [7; tr. 57]. Ví dụ: âm *ôi, ui, uôi* vốn là âm *un* hoặc *uôn*, âm *ây, ay, ai* vốn là *ân, ản*, âm *tr*, âm *đ* vốn là âm *t*, âm *d* vốn là âm *đ*...

Các địa danh trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh thể hiện rõ nét việc bảo lưu khá nhiều tiếng Việt - Mường cổ và một số ít tiếng Thái. “Xã Thọ Xương (huyện Thọ Xuân) có đôn Bù Đa, “bù” tiếng Thái là núi, Đền Lèn, Đền Đuron (“đền” trong tiếng Việt - Mường cổ là ruộng ngập nước: tục ngữ có câu “chỗ lỗ nghẹn, chỗ đền nước). Nhiều đồng ruộng được gọi là “hóc” như Hóc Cuốn, Hóc Ngõa... ở đây “hóc” không phải hóc sâu, mà là ruộng sâu nói theo cách nhìn của người Thái ở trên đỉnh đồi hoặc sườn núi nhìn xuống” [7, tr. 259].

Ở xã Xuân Vinh (Thọ Xuân) có đền Cồn Mốn tức Cồn Mối, xã Xuân Khánh (Thọ Xuân) có đồng Lãn Kha tức Lưỡn Gà, xã Xuân Lam có nhiều Hố Vịt (nơi chẵn vịt)... Ở xã Thọ Xương còn có cánh đồng gọi là “phóc” hay “phuốc” đều chỉ cánh đồng hay thửa ruộng ở cạnh dòng sông lấp, xưa kia có bến nước hay bến thuyền. Có thể thấy, cách gọi các địa danh như vậy là do không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh từ hàng ngàn năm trước đã là địa bàn của người Việt - Mường cổ.

Về phát âm, người huyện Thọ Xuân thường hay nói chệch, ví dụ: củ *hành* nói là củ *hiêng*, cái *lược* là cái *liệc*, *cha mẹ* là *che mạy*, *lúa* là *lọ*, *gạo* là *cấu*, *mò cá* là *mọ cá*, *rượu* nói là *riêu*, *về* nói là *viêng*. Hiện nay, vẫn bảo lưu khá bền vững không ít tiếng Việt - Mường cổ, ví dụ như:

Trượng: con mắt (từ “trượng biến âm là “tròng” tức “lòng”, tròng đen, tròng trắng chính là lòng đen, lòng trắng, đều chỉ con mắt).

Chộ hay *trộ*, hoặc *lộ* đều là nhìn

Lum là vũng nước cạn

Bâu là hồ nước nhỏ

Mau là đồng chứa nước

Hón là dòng sông cạn

Nân hay *năn* vốn là nồi nước đầy đồ xôi (tiếng Mường)

Ngoài ra, còn các câu chuyện về Làng Miêng - một làng Mường cổ ở Ngọc Lặc gắn với câu chuyện Nữ thần Cáo Trắng (Hồ Ly Phu nhân) đã cứu Lê Thái Tổ thoát vây ráp của quân Minh. Ngày nay, vẫn còn cái tên Bãi Lạnh, Mả Ngô, cánh đồng Chó và chuyện hai họ Bùi, Phạm ở đây thờ cây thần Xé (tích truyện cây cổ thụ xé thân che dấu Lê Thái Tổ).

4.2.2. *Yếu tố văn hóa Mường, Thái thể hiện trong các làng cổ*

Không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh còn lại nhiều làng cổ, mà tên gọi đã đi vào lịch sử gắn liền với dấu tích của các dân tộc Mường, Thái nơi đây. Đó là những làng cổ lâu đời, gắn với nơi sinh ra và lớn lên của Lê Lợi như làng Cham (Lam Sơn) quê cha, làng Chùa (Thủy Chú) quê mẹ; các làng bản cổ xung quanh khu vực Lam Sơn lưu giữ ký ức gian khó, đầy hào hùng trong thời kỳ kháng chiến chống quân Minh. Những tên làng đã đi vào ký ức: làng Nhân, Hữu Lễ, Bái Thượng, Bái Đô...chỉ tinh cảm vua - dân nồng hậu, thân tình. Làng Trò (Ngọc Lặc) gắn với sinh hoạt văn hóa Mường. Làng Bất Căng gợi nhớ trận đánh thành Đa Căng lịch sử. Làng Trí Năng, bản Năng Cát ghi lại cuộc sinh tồn khó khăn, vất vả của nghĩa quân khi giặc đuổi, nơi lưu dấu tinh quân dân, Việt - Thái nồng ấm. Nhiều làng cổ, bảo lưu các giá trị văn hóa lâu đời, giàu bản sắc như: Hào Lương, Lễ Nghĩa, Xuân Phả, Quảng Phúc, Hội Hiền...

Trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh, người Mường và người Việt là những cộng đồng dân cư xuất hiện sớm nhất, sinh sống trong những làng cổ. Tiêu biểu là làng Trung Lập (xã Xuân Lập) trước đây có tên là sách Khả Lập. Trong dân gian có nhiều cách gọi về làng do xuất phát từ cách phát âm khác nhau: Kẻ Sấp hay Kẻ Xấp; Kẻ Sập hay Kẻ Sập; Kẻ Sốp hay Kẻ Xốp, Kẻ Sộp hay Kẻ Xốp. Âm *s* và âm *x* thường không có sự phân biệt rõ ràng giữa các vùng miền dân cư. Vì vậy, xét về từ cổ Mường - Việt, âm *s* hay âm *x* cũng là âm *l*. Cách gọi phổ biến về làng Trung Lập xưa là Kẻ Sấp hay Kẻ Sập. Khi ghi âm Hán Việt để đưa vào sử sách, Kẻ Sập thành Khả Lập. Sách Khả Lập là một làng Mường. Khi nói về con gà, người Mường xưa phát âm là “kha” hoặc “ca”. Do đó, “kha” hay “ca” đều có cơ sở để phiên âm thành “khả” do người Mường xưa không phân biệt rõ dấu như người Kinh. Như vậy, “căn cứ đơn vị hành chính là “sách” và tên phiên âm “Khả Lập”, làng Trung Lập ở thế kỷ IX, X có nguồn gốc là một làng Mường. Sau khi trở thành làng Việt như bao làng Việt khác thì dấu ấn Mường về ngôn ngữ vẫn còn in đậm”. [9; tr. 560]

Ngoài làng Khả Lập, làng Cham (huang Lam Sơn) cũng là một làng (bản) của người Mường. Họ Lê trước đây ở làng người Mường Như Áng (vào khoảng thế kỷ XVIII trở về trước). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Cụ tổ ba đời của Lê Lợi là Lê Hối, một hôm đi chơi ở núi Lam, thấy đàn chim bay quanh dưới núi, giống như nhiều người tụ họp, bèn nói “chỗ này tất là đất tốt” mới dời nhà từ Như Áng đến ở. Được 3 năm thì thành sản nghiệp. Từ đấy, đời đời họ Lê làm hùng trưởng một phương” [3; tr. 225]. Một số tài liệu gia phả họ Lê cho biết: Lê Lợi tục gọi là đạo Cham. “Đạo” là chức danh Mường Thanh Hóa cai quản một mường gồm nhiều làng. “Cham” là tiếng Mường phát âm không rõ dấu giọng để chỉ cây chàm, mọc ở núi,

vì thế mang tên núi Chàm. Từ “chàm” phiên âm chữ Hán là “lam” và núi Chàm thành Lam Sơn. Đối với người xưa, âm *ch* cũng là *tr* và *l*. (Ví dụ: ông chời cũng là ông trời, ông lời...).

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập 3): “Lê Lợi, sinh ngày mồng 6 tháng 8 năm Ất Sửu (1385) tại quê mẹ là hương Chủ Sơn, huyện Lôi Dương (sau đổi là thôn Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), quê cha ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) [4; tr.239]. Làng Cham là tên cổ của Lam Sơn, hay Khả Lam. Xung quanh sách Khả Lam là khu vực dân cư tương đối đông đúc. Các làng bản của người Mường, người Thái, người Kinh đã sinh cơ lập nghiệp dọc theo triền sông Lương.

Nhà Lê giàu có nhất vùng, tới tới hàng nghìn người. Đây là cơ sở vật chất và hạt nhân quân đội để Lê Lợi trở thành lãnh tụ khởi nghĩa. Mường Cham, sau này là hương Lam Sơn, thời bấy giờ còn nhiều làng, chòm và không ít người hưởng ứng cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh, trong đó một số dân thường trở thành danh tướng Lam Sơn. Khi Lê Lợi lên ngôi vua, mường Cham được đổi tên là hương Lam Sơn và được xem là Lam Ấp (ấp thang mộc quê vua). Đất mường Cham phát triển nhanh chóng, các mường, động, sách trở thành hương, thôn, xã không phải thay đổi cách gọi mà đúng như tên gọi.

Bên hữu ngạn sông Chu là huyện Lôi Dương cũ, có làng Thủy Chú - một địa danh nổi tiếng trong lịch sử. Thủy Chú tục gọi là làng Chùa, ở gần núi Chúa (Chủ Sơn) giữa một vùng đất nhấp nhô. Đây là địa bàn cư trú khá lâu đời của người Mường. Cụ Thận họ Trịnh là người ở sách Mộc Trung đi bán chim ở đất Thủy Chú mền cảnh rừng xanh tốt, đất đai màu mỡ mới dời nhà đến ở. Cụ Thận sinh ra Trịnh Tám làm quan đời Trần. Con trai Trịnh Tám là Trịnh Sai sinh ra Trịnh Thị Ngọc Thương lấy Lê Khoáng người Lam Sơn - chính là cha mẹ của Lê Lợi. Bấy giờ, các tù trưởng người Thái là Cầm Lò, Cầm Lạn đánh cướp dân địa phương nên Lê Khoáng phải đưa vợ về quê ngoại Thủy Chú và sinh Lê Lợi cùng các con ở đây. Sau khi quân Tây Sơn lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, dòng họ Trịnh của mẹ Lê Lợi đã phải di dời đi nơi khác. Các nhóm cư dân Mường, Thái, Việt ở nơi khác tìm đến định cư thay thế như: họ Bùi (người Mường từ Hoà Bình vào), họ Hà (người Thái từ Lang Chánh xuống), các họ Quách, Ngân, Phạm, Vi (người Mường và người Thái) tiếp tục đến vào cuối thế kỷ XIX xây dựng nên một xã Thủy Chú mới nhưng vẫn thờ Trịnh Khắc Phục - khai quốc công thần thời Lê là cháu ruột của mẹ Lê Lợi làm Thần hoàng làng. Thủy Chú nay thuộc xã Xuân Thắng có 3 dân tộc anh em cùng cộng cư: Mường, Thái, Kinh.

Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nhân dân các làng bản người Thái, người Mường cũng tích cực tham gia lực lượng khởi nghĩa. Ở thôn Cao Trại (Xuân Khao - Thường Xuân) có bốn người họ Phạm là Phạm Yên, Phạm Thái, Phạm Nột, Phạm Oánh, hai cha con quan lang người Mường ở Ngọc Châu (Kiên Thọ - Ngọc Lặc) là Lê Hiếm, Lê Hiều...

4.2.3. Nghệ thuật kiến trúc

Trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh, công trình kiến trúc tiêu biểu nhất chính là khu điện miếu, lăng tẩm Lam Kinh. Nghệ thuật ở Lam Kinh thể hiện một sự đan xen giữa tư tưởng Nho giáo với tín ngưỡng dân gian của tộc người thiểu số. Theo nhà nghiên cứu Trần Lâm Biên: “Có thể nói, kiến trúc điện miếu, lăng mộ thời Lê sơ ở Lam Kinh là một đồ

án sáng tạo, tiếp thu những yếu tố cơ bản của thuyết phong thủy Trung Hoa kết hợp với tín ngưỡng dân gian của tộc người thiểu số (chủ yếu là Mường) và giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc” [3; tr. 119]. Điều này làm cho nghệ thuật ở Lam Kinh có nhiều giá trị đặc sắc, là sự hòa trộn một bên là tư tưởng Việt cổ xem trọng thiên nhiên, hòa vào tự nhiên, mộc mạc giản lược, một bên là tư tưởng Nho giáo mang tính mực thước, cầu kỳ, có tính áp đặt.

Bia và trục thần đạo của lăng mộ ở Lam Kinh không nằm trên một đường thẳng mà quanh co. Trong công trình diễn biến kiến trúc truyền thống của người Việt vùng châu thổ sông Hồng, nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền đã đưa ra giả thiết mà ông đã trao đổi: “Tấm bia đá được coi như ranh giới giữa thế giới trần gian và thế giới của kiếp đời đã qua. Con đường từ bia mộ là con đường đi từ thế giới nhân gian vào thế giới siêu linh của người đã khuất. Trên con đường đó rất có thể đã có một đôi chỗ dừng, chúng không có nghĩa là nơi để nghỉ chân mà mang tư cách như những cửa trên dậm dài vào thế giới khác. Ở mỗi chỗ dừng này, người ta có dựng các cửa như cổng chào bằng tre nứa. Điều này gợi nhắc đến những bài Mo Mường, trong đó có nội dung khi dẫn hồn người chết lên trời cũng phải qua nhiều lần cửa, nhiều tầng bậc” [3; tr. 119]. Trong mỗi lần cửa ấy, người ta phải làm một lễ đơn sơ để kính cáo, xin phép vượt qua để tiếp cận với thế giới của những người đã khuất.

4.2.4. Ẩm thực

Trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh vẫn còn lưu giữ một số món ăn mang phong vị Kinh pha lẫn Mường như đặc sản tương tời, canh đắng, bánh trứng kiến (dùng gạo nếp ngon giã thành bột mịn, đúc nặn thành bánh tròn nhỏ bằng bánh trôi nước, sau đó đem trứng kiến phi hành mỡ làm nhân bánh, lấy lá cây vả bọc ngoài bánh bỏ vào chỗ đồ chín), một số món ăn của người Thái như canh môn, canh uôi... Những món ăn cầu kỳ ngày nay cả người Kinh lẫn người Mường ở một số xã huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc vẫn còn chế biến như bánh chưng nung, bánh dày thước, xôi nén... trước đây các món ăn thường chỉ có trong lễ tế vua Lê Đại Hành, vua Lê Thái Tổ.

5. Thảo luận

Vấn đề cần tiếp tục trao đổi thảo luận, làm rõ là: dấu ấn của văn hóa dân tộc thiểu số (chủ yếu là văn hóa Mường) được thể hiện trong khu lăng điện Lam Kinh rõ nét như thế nào? Để có câu trả lời cụ thể và sâu sắc, cần có thời gian điền dã, nghiên cứu công phu và tác giả trình bày kết quả nghiên cứu trong các công trình tiếp theo.

6. Kết luận

Tóm lại, dấu ấn văn hóa các dân tộc Mường, Thái còn lại rõ nét nhất trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh thể hiện trong các địa danh làng cổ, trong ngôn ngữ sử dụng hàng ngày của cộng đồng cư dân sinh sống nơi đây và đặc biệt là khu lăng điện Lam Kinh - công trình nghệ thuật tiêu biểu của nhà Lê để lại cho hậu thế. Chính sự sinh tồn của nhiều thế hệ cư dân Kinh - Mường - Thái và dấu ấn văn hóa Mường, Thái trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng cư dân sinh sống trong không gian lịch sử - văn hóa Lam Kinh đã góp phần không nhỏ tạo nên những đặc trưng văn hóa riêng biệt của không gian này.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Thanh Hóa (2003), *Di tích và danh thắng Thanh Hóa*, tập 3, Nxb Thanh Hóa.
- [2]. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), tập 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Trần Lâm Biền (2013), *Con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hóa Thông tin.
- [4]. Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia.
- [5]. Vũ Minh Giang (2001), *Khu vực học với nghiên cứu phương Đông*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ nhất, Nxb Đại học Quốc gia.
- [6]. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Việt Nam học ở Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển*, Báo cáo tại Hội thảo Quốc tế Khu vực học: Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Khu vực học, Đại học Tokyo Hà Nội.
- [7]. Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Thọ Xuân (2005), *Địa chí huyện Thọ Xuân*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [8]. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [9]. Ngô Đức Thịnh (2000), *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [10]. Ngô Đức Thịnh (2004), *Tiểu vùng văn hóa xứ Thanh*, Tạp chí Văn hoá Dân gian (số 1), tr.91.
- [11]. Phạm Tuấn, *Thử xác định địa bàn hương Lam Sơn đầu thế kỷ XV*, Tạp chí Thanh Hóa xưa và nay.
- [12]. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [13]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1970), *Đại Nam thực lục*, tập 23, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

NHỮNG DẤU ẤN VĂN HÓA MƯỜNG, THÁI TRONG KHÔNG GIAN LỊCH SỬ - VĂN HÓA LAM KINH (THANH HÓA)

Lưu Thị Ngọc Diệp

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: luuthingocdiiep@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/01/2022

Ngày phản biện: 11/01/2022

Ngày tác giả sửa: 14/01/2022

Ngày duyệt đăng: 18/01/2022

Ngày phát hành: 25/01/2022

Lam Kinh vừa là địa danh lịch sử vừa là không gian văn hóa, nơi cộng cư của các tộc người Kinh - Mường - Thái nằm trên vùng đất bán sơn địa và trung du khu vực miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu về không gian lịch sử - văn hóa này để thấy những sắc thái đan cài, hỗn dung giữa văn hóa tộc người và tính chất lịch sử sâu đậm gắn liền với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Bình Định Vương Lê Lợi. Đồng thời bổ cứu, xác định thêm những dấu ấn về địa lý và lịch sử của vùng đất trên các thành tố văn hóa tiêu biểu như ngôn ngữ, địa danh và hệ thống di sản văn hóa.

Từ khóa: Dấu ấn văn hóa; Mường - Thái; không gian lịch sử - văn hóa, Lam Kinh.